ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4301/KL-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 9 năm 2014*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 6163
Ngày: 23/9/14
Chuyển:

KẾT LUẬN THANH TRA

Hoạt động của Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi từ 2011 -2013

Căn cứ Luật Thanh tra và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra; xét Báo cáo số 05/BC-ĐTTr ngày 04/7/2014 của Trưởng đoàn thanh tra thành lập tại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan tại cuộc họp ngày 05/9/2014, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận và chỉ đạo xử lý như sau:

I. Quá trình hình thành, tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi

Tổ hợp tác sản xuất mộc dân dụng 1/5 được thành lập tại Quyết định số 19/QĐ-UB ngày 25/02/1983 của UBND thị xã Quảng Ngãi. Đến ngày 08/10/1983, UBND thị xã Quảng Ngãi *(nay là thành phố Quảng Ngãi)* có Quyết định số 104/QĐ-UB về việc nâng hình thức Tổ hợp tác sản xuất lên thành Hợp tác xã sản xuất gia công đồ mộc 1/5.

- Đến năm 1998, Hợp tác xã đã chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật hợp tác xã và đổi tên thành Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi.

- Năm 2013, Hợp tác xã đăng ký thay đổi (lần 2) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã ngày 29/3/2013 thể hiện:

Tên hợp tác xã: Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi.

Trụ sở: Số 26 - 28 Nguyễn Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất: hàng mộc gia dụng, mộc xuất khẩu, mộc xây dựng và trang trí nội thất;

+ Mua bán: Nguyên liệu gỗ, gỗ ván ngoại nhập, vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi, sắt thép, xi măng), xe gắn máy.

Vốn điều lệ: 4.700.000.000 đồng.

(Sau đây tên Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi được viết gọn là Hợp tác xã)

Ngày 18/3/2013, Hợp tác xã tiến hành tổ chức đại hội xã viên hết nhiệm kỳ (2008-2012) và bầu Ban Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2017; tại Đại hội đã bầu ông Nguyễn Quốc Việt Tuấn - Chủ nhiệm HTX, ông Dương Việt Đức - Trưởng ban kiểm soát, ngoài ra trong Ban Quản trị còn có

ông Nguyễn Văn Vĩnh và ông Nguyễn Đồng (nay đã chết) giữ chức danh Phó Chủ nhiệm. Nhiều năm liền Hợp tác xã hoạt động rất hạn chế, doanh thu ít, liên tục thua lỗ. Từ năm 2010 đến năm 2013, kết quả sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã vẫn tiếp tục thua lỗ với tổng số tiền lũy kế là 122.537.331 đồng, cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tổng
1	Doanh thu	33.835.000đ	33.400.000đ	47.866.728đ	48.580.000đ	163.681.728đ
2	Chi phí	36.075.210đ	83.432.213đ	77.115.351đ	89.596.295đ	286.219.069đ
2.1	Giá vốn hàng bán	18.863.610đ	17.243.000đ	25.181.000đ	29.003.000đ	90.290.610đ
2.2	Chi phí QLKD	17.211.600đ	66.189.213đ	51.934.351đ	60.593.295đ	195.928.459đ
3	Lợi nhuận	-2.240.210đ	- 50.032.213đ	- 29.248.623đ	- 41.016.295đ	-122.537.331đ

Hợp tác xã chỉ có 8 thành viên và chỉ sử dụng từ 04 đến 05 lao động.

Trong 4 năm từ năm 2010 đến năm 2013, Hợp tác xã đã chấp hành việc nộp tờ kê khai thuế Giá trị gia tăng hàng tháng và hồ sơ quyết toán thuế hàng năm cho Chi cục thuế thành phố Quảng Ngãi. Hợp tác xã đã thực hiện nộp số tiền thuế nhà đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thuế môn bài theo các Thông báo thuế của cơ quan thuế. Hiện nay, Hợp tác xã còn nợ tiền thuế Giá trị gia tăng với tổng số tiền là: 40.031 đồng.

Về tiền thuê đất cho diện tích 347m^2: Năm 2011, Hợp tác xã đã nộp tiền thuê đất với tổng số tiền: 48.338.428,5 đồng (Trong đó: số tiền phải nộp năm 2011: 15.467.302,7đồng và số tiền truy thu các năm trước: 37.835.925,8đồng). Trong năm 2012 và năm 2013 Hợp tác xã đã nộp tiền thuê đất với tổng số tiền là: 32.378.045 đồng (năm 2012: 15.467.303 đồng và năm 2013: 16.910.742 đồng). Hiện nay, Hợp tác xã còn nợ tiền thuê đất với số tiền: 1.624.583 đồng. (Theo công văn số 1073/CCT-KK-KTT ngày 20/6/2014 của Chi cục Thuế thành phố Quảng Ngãi).

II. Kết luận các nội dung Hợp tác xã có vi phạm pháp luật

1. Hợp tác xã trả lương cho người lao động thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định

Từ năm 2010 đến năm 2013, Hợp tác xã chi trả tiền lương cho người lao động luôn thấp hơn rất nhiều so với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định ở từng thời điểm; cụ thể:

- Năm 2010 mức lương tối thiểu vùng là 810.000đồng/người/tháng *(quy định tại Nghị định 97/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009)*, nhưng Hợp tác xã trả lương cho người lao động chỉ từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/người/tháng.

- Năm 2011 mức lương tối thiểu vùng là 1.050.000 đồng/người/tháng *(áp dụng từ tháng 01/2011 đến tháng 9/2011, quy định tại Nghị định số 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010)* và mức 1.550.000đồng/người/tháng *(áp dụng từ tháng 10/2011 theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011)* nhưng Hợp tác xã chỉ trả lương cho người lao đồng từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/người/tháng.

- Năm 2012, mức lương tối thiểu vùng là 1.550.000đồng/người/tháng *(quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011),* nhưng Hợp tác xã chi trả tiền lương cho người lao động với mức lương từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng/người/tháng.

- Năm 2013, mức lương tối thiểu vùng là 1.800.000đồng/người/tháng *(quy định tại Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ),* nhưng Hợp tác xã chi trả tiền lương cho người lao động với mức lương từ 600.000 đồng đến 1.200.000 đồng/người/tháng.

Việc Hợp tác xã trả lương cho người lao động thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định ở từng thời điểm là vi phạm hành chính bị xử phạt theo Điều 13 Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lạo động, BHXH, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng *(theo quy định mức xử phạt từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 triệu đồng và thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả đủ tiền lương cho người lao động).*

2. Hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) cho người lao động

Việc Hợp tác xã không đóng BHXH cho người lao động là vi phạm hành chính bị xử phạt theo Điều 26 Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ đã nêu trên (*theo đó phạt tiền với mức từ 18% đến 20% tổng số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính nhưng tối đa không quá 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp cho toàn bộ người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp chưa đóng và đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp chưa đóng*).

3. Hợp tác xã đánh giá lại tài sản cố định đã nâng giá không có cơ sở khoa học và hạch toán không đúng quy định đối với khoản chênh lệch tăng giá trị tài sản cố định là 2.511.477.713 đồng

Năm 2013, Hợp tác xã tiến hành đánh giá lại tài sản cố định; cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Kích cỡ, số lượng	Nguyên giá đầu năm	Nguyên giá cuối năm	Chênh lệch tăng
1	Mặt bằng	660,9m^2	1.850.520.000	2.800.728.975	950.208.975
2	Mặt bằng	347m^2	57.590.000	153.316.800	95.726.800
3	Nhà trưng bày sản phẩm	83,85m^2	100.620.000	157.218.750	56.598.750
4	Nhà văn phòng	27,6m^2	27.120.000	51.750.000	24.630.000
5	Nhà sản xuất và trưng bày sản phẩm	507,05m^2	413.765.102	1.242.272.500	828.507.398
6	Nhà sản xuất và trưng bày sản phẩm	319,4m^2	229.021.010	782.530.000	553.508.990
7	Hệ thống điện 03 pha	01 cái	12.000.000	14.296.800	2.296.800
	Tổng cộng		2.690.636.112	5.202.113.825	**2.511.477.713**

Hợp tác xã giải trình là đánh giá lại tài sản dựa vào lý do tổ chức Đại hội hết nhiệm kỳ và chênh lệch chỉ số giá tiêu dùng.

Theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009, sau này là Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 thì tài sản cố định chỉ được đánh giá lại trong các trường hợp sau:

- *"Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;*

- *Thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chia tách sát nhập, hợp nhất, cổ phần hóa bán khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn*

- *Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp*".

Theo quy định về chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản chênh lệch tăng giá do đánh giá lại tài sản phải được hạch toán vào tài khoản tiền lãi của doanh nghiệp và theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đơn vị phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho số tiền **2.511.477.713 đồng.** Nhưng Hợp tác xã đã hạch toán không đúng chế độ kế toán của nhà nước, không hạch toán vào thu nhập của Hợp tác xã mà đã hạch toán tăng nguồn vốn chủ hữu (tài khoản 411) và không khai báo nộp thuế cho nhà nước đối với nghiệp vụ này.

Việc nâng giá tài sản của Hợp tác xã qua xem xét cho thấy đơn vị tự xác định giá không có cơ sở khoa học rõ ràng cho giá trị được đánh giá tăng. Nếu Hợp tác xã không tự điều chỉnh thì phải xử phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo đúng quy định. Giao cho UBND thành phố Quảng Ngãi chỉ đạo Chi Cục thuế của thành phố Quãng Ngãi lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật về kế toán và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Xác định giá trị tài sản cố định là quyền sử dụng đất không đúng quy định

Đến thời điểm hiện nay HTX đang sử dụng 02 thửa đất; nguồn gốc đất cụ thể như sau:

- Thửa đất số 243, tờ bản đồ số 16, Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, diện tích 347m^2:

Nguồn gốc đất: Năm 1983, UBND thị xã Quảng Ngãi *(nay là thành phố Quảng Ngãi)* đã ban hành Quyết định số 68/QĐ-UB ngày 04/6/1983 về việc cấp đất thổ cư để làm xưởng mộc của Tổ hợp tác 1/5 phường Trần Phú, thị xã Quảng Ngãi; diện tích được cấp là 420m^2.

Đến năm 2001, thực hiện dự án mở rộng đường Nguyễn Chánh dẫn đến phải thu hồi một phần của thửa đất trên. Việc thu hồi đất này không bồi thường về đất mà chỉ đền bù phần chi phí đầu tư, tôn tạo mặt bằng với số tiền là 8.386.400 đồng.

Đến năm 2011, Hợp tác xã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cho thuê đất theo Hợp đồng số 03/HĐKT ngày 03/3/2011 với diện tích đất là 347m^2, thời hạn thuê đất là 20 năm kể từ ngày 15/10/1993 đến 15/10/2013. Ngày 04/3/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00275 đối với thửa đất số 243, tờ bản đồ số 16, địa chỉ phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, diện tích 347m^2; mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất kinh doanh; thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2013; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm ***(như vậy đến thời điểm hiện nay là đã hết thời hạn thuê đất)***.

Việc Hợp tác xã xác định nguyên giá và ghi nhận vào sổ sách kế toán giá trị tài sản với số tiền là: 57.590.000 đồng *(nguyên giá đầu năm 2013)* và **153.316.800 đồng** (*nguyên giá HTX đánh giá lại cuối năm 2013 như đã nêu trên)* của diện tích đất nêu trên là không đúng quy định bởi vì: Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 4 Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định quy định: *quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình gồm thuê đất trả tiền thuê hằng năm. Tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng với số tiền thuê đất trả hàng năm.*

- Thửa đất số 168, thuộc tờ bản đồ số 16, Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, diện tích đất 660,9m^2:

Nguồn gốc đất: Thửa đất này là một phần diện tích thửa số 48 tờ bản đồ

số 1, bản đồ năm 1968 (*thửa đất này do vợ chồng bà Dương Thị Huyền và ông Trương Quang Luyến đứng tên chủ điền địa trong Chứng thư kiến điền do chế độ cũ cấp vào ngày 10/6/1971*).

Vào ngày 24/12/1983 ông Trần Phùng - nguyên Phó chủ nhiệm Hợp tác xã có viết giấy (không đóng dấu HTX) có nội dung như sau:" *Khi trao đổi, thỏa thuận với gia đình anh Dương Phương người chủ quản lý đất đai nhượng giúp cho Hợp tác xã mộc 1/5 phường Trần Phú để lập xưởng xây dựng cơ bản với số tiền bồi thường hoa màu, cây cối là 20.000 đồng trên diện tích Hợp tác xã đã sử dụng. Hiện tại, anh Phương đã nhận trước 7.000 đồng, Hợp tác xã chịu nợ là 13.000 đồng, Hợp tác xã hứa sẽ trả đủ trong cuối tháng 01/1984 khi đã bàn bạc nhất trí trong gia đình có biên bản hợp pháp để HTX làm chứng từ lưu hồ sơ về vốn cố định của HTX*". Tuy nhiên, do Hợp tác xã không trả đúng hạn đã cam kết, nên vào năm 1987, bà Võ Thị Thiện Từ (vợ ông Dương Phương) đã khởi kiện; Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã tổ chức hòa giải thành. Tòa đã giải thích cho các bên đương sự: Đất là thuộc nhà nước quản lý, không ai được quyền mua bán,...việc bà Từ yêu cầu trả bằng 02m^3 gỗ là không hợp lý vì đây là tiền bồi thường hoa màu... sau đó các bên đi đến thống nhất: Hợp tác xã Mộc 1/5 trả cho vợ chồng ông Dương Phương và bà Võ Thị Thiện Từ số tiền còn thiếu 13.000 đồng năm 1983 bằng 100.000 đồng. Ngày 13/01/1987, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi đã có Quyết định công nhận hòa giải thành số 13/QĐ, trong đó Hợp tác xã đã đồng ý trả cho bà Từ với số tiền là 100.000 đồng. Hai bên đã viết giấy giao nhận số tiền vừa nêu vào ngày 23/11/1987.

Đến ngày 15/11/1989 Hợp tác xã mộc 1/5 tiến hành lập Biên bản bàn giao chuyển nhượng cơ sở sản xuất mộc 1/5 giữa số xã viên cũ (08 người) và số xã viên còn ở lại có giá trị chuyển nhượng tổng thể là 22.000.000 đồng, tài sản chuyển nhượng gồm có:

(1) Đất đai mặt bằng sản xuất:

- Tổng diện tích gồm có 1.250m^2 (chiều ngang 17m dọc theo đường Nguyễn Chánh, chiều dài 44m); Nguồn gốc và căn nguyên: Một nửa khoảnh đất về hướng Đông, chiều ngang 8,5 mét, chiều sâu 43 mét được UBND thị xã Quảng Ngãi cấp sử dụng theo Quyết định số 68/QĐ-UB ngày 04/6/1983, nguyên trước đây là hố sâu được xã viên HTX mộc 1/5 chúng tôi đổ đất đá, cải tạo thành mặt bằng mới có như ngày hôm nay. Một nửa khoảnh đất còn lại nối liền về phía tây dọc theo đường Nguyễn Chánh, chiều ngang 8,5 mét, chiều sâu 44 mét. Nguyên trước đây theo giấy tờ của vợ chồng ông Dương Phương và bà Võ Thị Thiện Từ nói là của ông bà để lại.

- Năm 1983 Hợp tác xã Mộc 1/5 phường Trần Phú thành lập, để bảo đảm mặt bằng cho sản xuất ông Dương Phương và bà Võ Thị Thiện Từ cùng ông Hồ Văn Hướng thỏa thuận, chuyển nhượng cho Hợp tác xã được quyền sử dụng, định đoạt và quyết định. Hợp tác xã chịu mọi chi phí dưới dạng bồi thường hoa màu theo Quyết định công nhận hòa giải thành số 13/QĐ ngày 13/11/1987 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi và đã được Hội đồng

đăng ký ruộng đất phường Trần Phú đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 586/ĐK ngày 10/12/1984 số hiệu 63, tờ số 3.

(2). Nhà xưởng và láng trại.

(3). Công trình vệ sinh, điện, nước, loa phóng thanh.

(4). Máy móc, trang thiết bị hệ thống cưa.

(5). Dụng cụ sửa chữa máy móc và đồ dùng sản xuất.

(6). Những phương tiện làm việc.

(Trong biên bản bàn giao không ghi chi tiết giá trị chuyển nhượng từng loại tài sản).

Để làm rõ những nội dung chuyển nhượng cơ sở sản xuất mộc nêu trên, Đoàn thanh tra đã làm việc với một số xã viên Hợp tác xã mộc 1/5 trước đây gồm các ông: Nguyễn Thái San (nguyên Kế toán trưởng), ông Huỳnh Kiều (nguyên Phó Chủ nhiệm), ông Phan Đình Lương (nguyên Trưởng ban kiểm soát) và ông Lê Tuấn Tuyên (nguyên xã viên) là những người trực tiếp tham gia việc chuyển nhượng cơ sở sản xuất mộc tại thời điểm năm 1989. Qua làm việc, các ông này điều khẳng định số tiền 22.000.000 đồng là chuyển nhượng các tài sản hiện có được liệt kê trong Biên bản bàn giao chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng này không đặt vấn đề chuyển nhượng đất (chỉ chuyển giao mặt bằng để tiếp tục quản lý và sử dụng).

Khi thực hiện dự án nâng cấp đường Nguyễn Chánh, năm 2003 Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng đã xác định và chi trả tiền bồi thường cho Hợp tác xã với tổng số tiền là 66.486.090 đồng; trong đó có đền bù về đất với diện tích 74,39m^2 với số tiền 30.797.460 đồng và chi phí đầu tư vào đất 8.386.400 đồng. Toàn bộ số tiền trên Hợp tác xã đã nhận.

Việc Hợp tác xã đã được đền bù 74,39m^2 với số tiền 30.797.460 đồng là chưa đảm bảo quy định của pháp luật, vì Hợp tác xã không có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật *(Điều 13, Nghị định số 22/1998/NĐ-CP)*.

Thực hiện Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai của HTX chế biến gỗ 1/5 và xác minh kết luận đơn khiếu nại của ông Trương Quang Lục, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Kết luận số 26/KL-TNMT ngày 04/01/2010 như sau: "... ***Hiện tại không có hồ sơ nào có giá trị pháp lý để làm cơ sở khẳng định Hợp tác xã 1/5 đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng ông Dương Phương và bà Võ Thị Thiện Từ***".

Nhưng sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận quyền sử dụng đất và cho thuê đất đối với Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5; ngày 04/3/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT.00274, diện tích đất 660,9m^2 đối với thửa đất số 168, thuộc tờ bản đồ số 16, Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi; mục đích sử dụng: đất cơ sở sản xuất kinh doanh; thời hạn sử dụng: đến

ngày 15/10/2042; nguồn gốc sử dụng: **Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất**. Việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này là không đúng quy định của pháp luật, UBND tỉnh đã giao cho Thanh tra tỉnh đã rà soát có Báo cáo số 31/BC-TTT ngày 22/5/2013; trong đó đã khẳng định: Việc Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ điểm a khoản 2 Điều 53, Điều 92 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và điểm b khoản 2, Điều 36 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; đề nghị UBND tỉnh phê duyệt quyết định công nhận quyền sử dụng 660m^2 đất đối với Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 theo hình thức Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất là chưa đảm bảo cơ sở pháp lý. Bởi vì:

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, quy định: *"Diện tích đất đã được Nhà nước cho thuê, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác hoặc được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà đã trả tiền cho việc nhận chuyển nhượng hoặc tiền sử dụng đất đã nộp cho Nhà nước không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, đất do xã viên góp vào hợp tác xã đang sử dụng đúng mục đích thì được tiếp tục sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Nhưng thỏa thuận giữa HTX chế biến gỗ 1/5 với gia đình ông Dương Phương và ông Hồ Văn Hướng không phải là quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác định tại Kết luận số 26/KL-TNMT ngày 04/01/2010.

- Điểm c khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai; Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 là tổ chức kinh tế nên không thể căn cứ vào Điều 14 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

- Trong trường hợp Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải công nhận quyền sử dụng đất như hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho chuyển qua thuê đất chứ không thể công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Bởi vì, theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật Đất đai thì Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 thuộc đối tượng giao đất có thu tiền sử dụng đất; việc công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất chỉ áp dụng đối với các trường hợp sử dụng đất thuộc chế độ giao đất không thu tiền sử dụng đất (điểm g khoản 5 của Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Vì vậy, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Sở Tài Nguyên và Môi trường

đã có Quyết định số 160/QĐ-STNMT ngày 10/7/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho HTX Chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã ban hành Thông báo số 536/TB-VPĐKĐ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho HTX Chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi, tại Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Kiểm tra trên sổ kế toán của Hợp tác xã cho thấy Hợp tác xã đã xác định nguyên giá và ghi nhận giá trị tài sản vào sổ sách kế toán với số tiền là: 1.850.520.000 đồng *(nguyên giá đầu năm 2013)* và *đánh giá lại cuối năm 2013 tự ý nâng lên* **2.800.728.975 đồng** đối với Quyền sử dụng đất 660,9m^2 của thửa đất số 168, thuộc tờ bản đồ số 16, Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi là không đúng quy định của pháp luật *(điểm đ, khoản 2, Điều 4, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013).*

Như vậy, việc Hợp tác xã ghi nhận sai giá trị tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất trên sổ sách kế toán đối với 02 thửa đất *(thửa đất số 243, diện tích 347m^2 và thửa đất số 168, diện tích 660,9m^2 tờ bản đồ số 16, địa chỉ phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi)* là không đúng quy định của pháp luật về kế toán của nhà nước đã làm tăng giá trị tài sản của Hợp tác xã lên **1.908.110.000đồng** (trước khi đánh giá lại năm 2013) và **2.954.045.775đồng** (cuối năm 2013, sau khi đánh giá lại tài sản), vi phạm Khoản 4 Điều 6 Luật Kế toán quy định về việc phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

5. Quyết toán công trình không đúng với chứng từ và sổ sách kế toán

- Trong năm 2011, Hợp tác xã đã đầu tư xây dựng một số công trình, gồm: Nhà trưng bày sản phẩm, tường rào, cổng ngõ. Số liệu Hợp tác xã cung cấp thể hiện:

+ Bảng kê tài sản cố định và công cụ, dụng cụ năm 2011 do Hợp tác xã lập ngày 31/12/2011 có giá trị tài sản tăng trong năm là: 642.786.112đồng.

+ Bảng thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011 do Hợp tác xã lập ngày 07/3/2012 (cho kỳ kế toán năm 2011) cũng thể hiện số tăng tài sản cố định do xây dựng mới là 642.786.112đồng.

+ Bảng quyết toán công trình nhà trưng bày sản phẩm do Hợp tác xã lập ngày 10/9/2011 có tổng giá trị là 1.497.000.000đồng.

Chênh lệch giữa Báo cáo tài chính và Quyết toán công trình số tiền là 854.123.888 đồng (1.497.000.000đồng - 642.786.112đồng).

Theo Điều 6 Luật Kế toán năm 2003 quy định*: Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính...phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.* Qua kiểm tra sổ sách kế toán và báo cáo tài chính năm 2011 của Hợp tác xã thì phần chênh lệch *(854.123.888 đồng)* không được ghi nhận trên sổ sách kế toán. Vì vậy, giá trị Quyết toán

công trình xây dựng của Hợp tác xã là không chính xác, nâng khống giá trị tài sản.

6. Xác định tài sản cố định không đúng quy định

Tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định quy định nguyên giá tài sản phải có giá trị từ 30.000.000đồng trở lên mới được ghi nhận là tài sản cố định. Hệ thống điện 3 pha có nguyên giá ban đầu là 12.000.000 đồng, Hợp tác xã tự đánh giá lại là 14.296.800đồng, giá trị của hệ thống điện này chưa đáp ứng đủ điều kiện để được ghi nhận tài sản cố định. Việc Hợp tác xã vẫn tiếp tục ghi nhận trên sổ sách kế toán hệ thống điện này là tài sản cố định là không đúng quy định.

7. Việc hạch toán ghi tăng vốn góp của xã viên không có cơ sở pháp lý

Hợp tác xã, xác định giá trị quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật ghi vào tài sản cố định, tự ý đánh giá tăng giá trị tài sản cố định như đã kết luận ở điểm 3 và 4 nêu trên và hạch toán toàn bộ khoản chênh lệch tăng vào tài khoản nguồn vốn chủ hữu (411); từ đó đem phân chia khoản chênh lệch đó thành vốn góp của các thành viên Hợp tác xã là việc làm không đúng pháp luật về kế toán, giá trị vốn góp này không có thực.

Riêng năm 2013, các thành viên Hợp tác xã được Hợp tác xã tự ý hạch toán tăng khống vốn góp cho các thành viên lên 1.954.424.900 đồng; cụ thể ghi tăng cho ông Nguyễn Đồng 405.146.100 đồng; cho bà Phan Thị Bích Vân 500.760.600 đồng; ông Nguyễn Quốc Hoàng Anh 382.458.200 đồng; ông Nguyễn Quốc Việt Tuấn 348.425.600 đồng; ông Nguyễn Quốc Việt Hùng 283.602.200 đồng; bà Nguyễn Thị Xuân Đẹp 9.723.500 đồng; ông Phan Duy Hợp 24.308.700 đồng.

Việc Hợp tác xã tự ý nâng khống giá trị vốn góp nêu trên không đúng thực tế là việc làm vi phạm vào khoản 5 Điều 12 và khoản 1 Điều 42 Luật Hợp tác xã năm 2012, vi phạm vào Khoản 4 Điều 6 Luật kế toán quy định về việc phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

8. Việc xây dựng các công trình chưa chấp hành đúng Giấy phép được cấp

Trong năm 2011, Hợp tác xã có tiến hành lập các thủ tục về việc xin cấp phép xây dựng và đã được UBND thành phố Quảng Ngãi cấp 02 giấy phép xây dựng tạm số 09/GPXDT-CT và 11/GPXDT-CT ngày 25/4/2011; cụ thể như sau:

+ Giấy phép xây dựng tạm số 09/GPXDT-CT có 02 công trình:

Công trình số 1: Nhà trưng bày sản phẩm kinh doanh và các phòng chức năng: Diện tích xây dựng 514,91m^2, chiều cao công trình 6m.

Công trình số 2: Tường rào + cổng ngõ, tổng chiều dài là 24,4m.

+ Giấy phép xây dựng tạm số 11/GPXDT-CT có 02 công trình:

Công trình số 1: Nhà trưng bày sản phẩm kinh doanh và các phòng chức năng: Diện tích xây dựng (cải tạo) 213,6m^2, chiều cao công trình 06m.

Công trình số 2: Tường rào + cổng ngõ, tổng chiều dài là 65,6m.

Qua đối chiếu với giấy phép xây dựng cho thấy việc Hợp tác xã xây dựng sân nền với tổng diện tích là 279,39 m^2 (167,94 m^2 +111,45m^2) chưa được cơ quan cấp phép xây dựng. Hợp tác xã tự ý xây dựng hợp khối 2 công trình số 1 và số 2 thành một khối công trình tại vị trí tiếp giáp giữa 2 thửa đất chưa được cấp thẩm quyền cho phép.

9. Hợp tác xã chậm đại hội thường niên so với quy định

Trong 04 năm, Hợp tác xã chỉ tổ chức Hội nghị thành viên thường niên vào các năm 2010 và 2011; năm 2012 và 2013 Hợp tác xã không tổ chức hội nghị thành viên thường niên. Theo trình bày của Hợp tác xã nguyên nhân trong 02 năm 2012 và 2013 không tổ chức hội nghị với lý do hội nghị năm 2012 Hợp tác xã kết hợp tổ chức với kỳ Đại hội xã viên kết thúc nhiệm kỳ 2008-2012 vào tháng 3/2013 và năm 2013 Hợp tác xã chưa tổ chức thực hiện Hội nghị thành viên thường niên do Giám đốc Hợp tác xã có việc gia đình nên chưa tổ chức.

Đối chiếu với Điều 31 Luật Hợp tác xã cho thấy: Hợp tác xã không tuân thủ việc Đại hội thành viên thường niên trong 2 năm (2012, 2013); theo điểm c, khoản 2, Điều 54 Luật Hợp tác xã: *Giải thể bắt buộc vì Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã không tổ chức được đại hội thành viên thường niên trong 18 tháng liên tục.*

10. Về thành viên Hợp tác xã

Đến thời điểm thanh tra, Hợp tác xã báo cáo có 8 thành viên gồm các ông, bà: Nguyễn Đồng (chết), Phan Thị Bích Vân, Nguyễn Quốc Hoàng Anh, Nguyễn Quốc Việt Tuấn, Nguyễn Quốc Việt Hùng, Phan Duy Hợp, Dương Việt Đức Nguyễn Văn Vĩnh; trong số đó chỉ có 03 thành viên là: Nguyễn Quốc Việt Tuấn, Nguyễn Văn Vĩnh, Dương Việt Đức tham gia làm việc trong Hợp tác xã; số còn lại cũng không có sử dụng sản phẩm, dịch vụ giống nhau phát sinh thường xuyên, ổn định từ hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Hợp tác xã.

Đối chiếu theo Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 quy định cụ thể như sau:

- Tại khoản 1, Điều 3: *Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.*

- Khoản 1 Điều 4 quy định: *Nhu cầu chung của thành viên, hợp tác xã thành viên là nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ giống nhau phát sinh thường xuyên, ổn định từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống của thành viên, hợp tác xã thành viên. Đối với hợp tác xã tạo việc làm thì nhu cầu chung*

của thành viên là nhu cầu việc làm của thành viên trong hợp tác xã do hợp tác xã tạo ra.

Đối chiếu với quy định này thì các thành viên Hợp tác xã này hoàn toàn không có nhu cầu chung sử dụng sản phẩm, dịch vụ hay việc làm.

- Khoản 1 Điều 13 quy định cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân trở thành thành viên hợp tác xã phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hộ gia đình có người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật; cơ quan, tổ chức là pháp nhân Việt Nam. Đối với hợp tác xã tạo việc làm thì thành viên chỉ là cá nhân;

b) Có nhu cầu hợp tác với các thành viên và nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã;

c) Có đơn tự nguyện gia nhập và tán thành điều lệ của hợp tác xã;

d) Góp vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật này và điều lệ hợp tác xã;

đ) Điều kiện khác theo quy định của điều lệ hợp tác xã.

Đối chiếu với quy định trên thì một người chỉ có thể trở thành thành viên Hợp tác xã khi có nhu cầu chung sử dụng sản phẩm dịch vụ của Hợp tác xã hoặc làm việc trong Hợp tác xã. Chỉ có góp vốn thì không đủ tư cách thành viên. Đối chiếu danh sách thành viên của Hợp tác xã với danh sách lao động trong Hợp tác xã thì các cá nhân sau đây hiện nay chưa đủ tư cách thành viên theo Luật Hợp tác xã hiện hành gồm:

1. Nguyễn Quốc Hoàng Anh;
2. Nguyễn Quốc Việt Hùng;
3. Phan Duy Hợp;
4. Phan Thị Bích Vân.

Như vậy cho thấy Hợp tác xã này hiện không còn đủ thành viên tối thiểu cần thiết theo Luật định; nếu các thành viên còn có nhu cầu tiếp tục kinh doanh thì phải chuyển đổi mô hình theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

III. Nguyên nhân, trách nhiệm để xảy ra các vi phạm

1. Nguyên nhân

- Hợp tác xã ra đời từ cơ chế cũ, chuyển sang cơ chế mới đã không bắt kịp sự thay đổi nên hầu như hoạt động rất hạn chế và không hiệu quả.

- Nhận thức về pháp luật và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của bộ máy quản lý Hợp tác xã hạn chế, yếu kém.

- Các phòng chuyên môn của UBND thành phố, Chi cục thuế Thành phố giúp UBND thành phố Quảng Ngãi quản lý nhà nước đối với Hợp tác xã đã buông lỏng công tác quản lý trong nhiều năm, để cho Hợp tác xã hạch toán sai quy định của pháp luật về kế toán với tính chất nghiêm trọng; UBND thành phố vận dụng giải quyết bồi thường đất cho Hợp tác xã khi mở rộng đường Nguyễn Chánh liên quan đến diện tích có nguồn gốc cũ của gia đình

ông Trương Quang Lục chưa chặt chẽ, chưa phù hợp với chính sách, pháp luật tại thời điểm đền bù.

- Sở Tài nguyên - Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh quyết định về đất đai liên quan đến Hợp tác xã chưa chính xác.

2. Trách nhiệm: Trách nhiệm thuộc về Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi, UBND thành phố Quảng Ngãi và Sở Tài nguyên - Môi trường.

IV. Biện pháp xử lý

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010, Luật Hợp tác xã và các quy định của pháp luật có liên quan, xét tính chất và mức độ sai phạm, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo xử lý như sau:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện quy trình, thủ tục để chấm dứt Hợp đồng cho thuê đất với Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi đối với thửa đất số 243, diện tích 347m^2, tờ bản đồ số 16, địa chỉ Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi vì đã hết thời hạn thuê đất theo Hợp đồng đã ký và không còn phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch và chủ trương, kế hoạch sử dụng đất.

- Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 về việc công nhận quyền sử dụng đất và cho thuê đất đối với Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5, Phường Trần phú, thành phố Quảng Ngãi theo đúng kết luận và chỉ đạo xử lý của UBND tỉnh liên quan đến diện tích 660,9m^2, thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16 tại phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi. Tổ chức thu hồi Giấy chứng nhận số BE 059170 ký ngày 04/3/2011 để lưu giữ theo quy định.

-Kiểm điểm nghiêm túc công chức tham mưu không đúng quy định của pháp luật gây hậu quả phức tạp kéo dài.

Báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh trước ngày 30/12/2014.

2. Giao UBND thành phố Quảng Ngãi có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện

- Khẩn trương rà soát Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư tổ 12 và chợ Thu Lộ, Phường Trần Phú theo Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 27/9/2011 của UBND thành phố Quảng Ngãi đã được UBND tỉnh chỉ đạo tại Công văn 1094/UBND-NNTN ngày 28/03/2014; xác định cụ thể tiến độ thực hiện quy hoạch kịp thời phục vụ cho việc chỉnh trang đô thị và giải quyết các vụ việc liên quan.

- Lập Kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra; trong đó cần chú ý: Hướng dẫn, chỉ đạo xử lý các sai phạm cụ thể của Hợp tác xã đã nêu trong Kết luận này đúng pháp luật, đúng thủ tục, thẩm quyền, có tính khả thi, không để tình trạng vi phạm kéo dài. Trong quá trình xử lý có giải thích, động viên, tạo điều kiện trong khuôn khổ pháp luật; nếu Hợp tác xã không tự giác thì phải xử lý, áp dụng biện pháp kiên quyết, nghiêm minh, dứt điểm. Báo cáo UBND tỉnh kết quả xử lý từng nội dung sai phạm và những kiến nghị đề xuất nếu có; tập trung giải quyết dứt điểm trong năm 2014.

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của các phòng, ban và các cá nhân có liên quan trong việc tham mưu quản lý chưa làm tốt chức trách được giao dẫn đến để Hợp tác xã xảy ra một số sai phạm kéo dài được nêu trong Kết luận này.

3. Yêu cầu Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi

- Nêu cao ý thức tuân thủ pháp luật; chủ động khắc phục kịp thời các vi phạm cụ thể đã nêu tại Kết luận này; chủ động sắp xếp, chuyển đổi mô hình kinh doanh cho đúng quy định của pháp luật; chấm dứt ngay các hành hành vi vi phạm pháp luật đã được nêu trong Kết luận.

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định xử lý của UBND thành phố Quảng Ngãi; của UBND tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến việc xử lý các vi phạm của Hợp tác xã đã nêu tại Kết luận này.

4. Tổ chức thực hiện

a) Yêu cầu Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quảng Ngãi, Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi nghiêm túc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra này; tổ chức niêm yết công khai Kết luận này tại UBND thành phố Quảng Ngãi, UBND Phường Trần Phú và tại Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi trong 15 ngày liên tục và sao gửi kết luận này cho Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo Quy định tại Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ.

b) Giao Chánh Thanh tra tỉnh công khai Kết luận này trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh; tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này theo quy định của pháp luật về thanh tra./.

Nơi nhận:
- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh(báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục 2 Thanh tra Chính phủ;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban pháp chế - HĐND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh; Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường,;
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- Hợp tác xã chế biến gỗ 1/5 Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), NC, TCD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV928).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Viết Chữ